

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 02 năm 2023

KẾ HOẠCH

Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 – 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định về công tác tự kiểm tra, kiểm tra, xử lý văn bản; phân công phối hợp trong rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 của UBND tỉnh; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Công bố Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực tính đến hết ngày 31/12/2023 và các danh mục văn bản thể hiện kết quả hệ thống hóa kỳ 2019-2023.

Thông qua việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản sẽ giúp công tác xây dựng, áp dụng, thi hành pháp luật hiệu quả, thuận tiện, tăng cường tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật; cập nhật kịp thời thông tin của văn bản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

b) Việc xây dựng kế hoạch hệ thống hóa nhằm xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức thực hiện hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Hoạt động hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023 cần đáp ứng một số yêu cầu cơ bản như sau:

- Tập hợp đầy đủ văn bản thuộc đối tượng hệ thống hoá và kết quả rà soát văn bản kỳ 2019-2023.

- Tuân thủ trình tự thực hiện hệ thống hóa theo quy định tại Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản còn hiệu lực và các danh mục văn bản thể hiện kết quả hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023.

b) Việc hệ thống hóa văn bản phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện hệ

thống hóa văn bản theo quy định; triển khai thực hiện các công việc theo đúng thời hạn được giao tại kế hoạch và bố trí các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện hệ thống hóa văn bản.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI HỆ THỐNG HÓA

1. Đối tượng

Các văn bản trong Tập hệ thống hóa của kỳ hệ thống hóa 2014 - 2018 và các văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023, gồm cả văn bản được ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023 nhưng chưa có hiệu lực thi hành.

2. Phạm vi

Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND các cấp ban hành đến hết ngày 31/12/2023 thuộc trách nhiệm hệ thống hóa theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện hệ thống hóa

a) Nội dung thực hiện: Cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện hệ thống hóa theo quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP để triển khai thực hiện việc hệ thống hóa văn bản tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình. Đồng thời gửi kết quả hệ thống hóa về Sở Tư pháp để tổng hợp.

b) Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan chủ trì: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan, đơn vị đã chủ trì soạn thảo văn bản của HĐND và UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân cùng cấp và các cơ quan có liên quan.

c) Thời gian hoàn thành:

- Thời gian hoàn thành việc hệ thống hóa: Chậm nhất ngày 15/01/2024.

- Thời gian hoàn thành gửi báo cáo kết quả hệ thống hóa:

+ Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (gửi Sở Tư pháp): Chậm nhất ngày 20/01/2024.

+ Đối với cấp huyện (gửi Sở Tư pháp): Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả hệ thống hóa theo quy định tại khoản 2 Mục này.

+ Đối với cấp tỉnh (do Sở Tư pháp tham mưu để gửi Bộ Tư pháp): Chậm nhất trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố kết quả hệ thống hóa theo quy định tại khoản 2 Mục này.

2. Công bố kết quả hệ thống hóa

a) Nội dung thực hiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

b) Cơ quan thực hiện: Chủ tịch UBND các cấp.

c) Thời gian hoàn thành: Chậm nhất vào ngày 01/3/2024.

3. Đăng tải kết quả hệ thống hóa

a) Nội dung thực hiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 167 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 39 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

b) Cơ quan thực hiện: Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện, cấp xã.

c) Thời gian hoàn thành: Ngay sau khi Chủ tịch UBND các cấp công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện hệ thống hóa văn bản kỳ 2019 - 2023 của cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách của đơn vị.

2. Lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

a) Chủ trì tổ chức thực hiện và theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp kết quả hệ thống hóa văn bản trên địa bàn tỉnh; tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản gửi về Bộ Tư pháp theo đúng thời gian quy định.

2. Sở Tài chính

Tham mưu UBND tỉnh bảo đảm kinh phí phục vụ cho công tác hệ thống hóa văn bản ở cấp tỉnh và hướng dẫn các huyện, thành phố cân đối ngân sách đảm bảo kinh phí cho công tác hệ thống hóa văn bản ở địa phương theo quy định hiện hành.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Đăng tải kết quả hệ thống hóa văn bản của cấp tỉnh lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực của cấp tỉnh lên Công báo tỉnh theo đúng quy định tại khoản 3 Mục III Kế hoạch này.

4. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản

a) Xây dựng Kế hoạch hệ thống hóa văn bản kỳ 2019-2023 để triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình. **Hoàn thành trước ngày 20/02/2023.**

b) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với Ban pháp chế - HĐND tỉnh, Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình theo đúng trình tự, tiến độ.

c) Gửi kết quả hệ thống hóa về Sở Tư pháp đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định tại khoản 1 Mục III Kế hoạch này.

d) Đảm bảo kinh phí cho công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Xây dựng Kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện nhiệm vụ hệ thống hóa văn bản kỳ 2019 -2023 tại địa phương. **Hoàn thành trước ngày 20/02/2023.**

b) Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện phối hợp với Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân cấp huyện thực hiện hệ thống hóa văn bản do HĐND, UBND cấp mình ban hành theo đúng trình tự, tiến độ.

c) Gửi báo cáo kết quả hệ thống hóa về Sở Tư pháp đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định tại khoản 1 Mục III Kế hoạch này. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp xã thực hiện hệ thống hóa văn bản trên địa bàn.

d) Đảm bảo kinh phí cho công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy định.

Quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Cục Công tác phía Nam - BTP;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Các đơn vị lực lượng vũ trang cấp tỉnh;
- Các đơn vị ngành dọc cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ; KTTH; VXNV;
- Lưu: VT, TCD. VTTT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Nam